

Bản án số: **257/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 26 tháng 08 năm 2025

V/v Tranh chấp ly hôn và xác định cha con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2-HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Phương**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Thanh Loan**

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đào Thị Tuyền** - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Chiến**.

Ngày 26 tháng 08 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 309/TLST- HNGĐ ngày ngày 17 tháng 06 năm 2025 về “*Tranh chấp ly hôn và xác định cha con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 309/QĐXX-HNGĐ ngày 21 tháng 07 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 309 ngày 06 tháng 8 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị Hồng T, sinh năm 1983; HKTT: Số 3 ngõ 192 phố H, phường H, quận T, Hà Nội;

Nơi ở hiện tại: Số 19 ngõ 61 phố V, phường V, quận H, Hà Nội. (có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Hà Mạnh S, sinh năm 1966; HKTT: Số 3 ngõ 192 phố H, phường H, quận T, Hà Nội. (vắng mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Đỗ Văn T1, sinh năm 1983; HKTT: Thôn 2, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng;

Nơi ở hiện tại: Phòng 309 khu B, tập thể P, phường V, quận H, Thành phố Hà Nội. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 05 năm 2025, tại bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, chị Trương Thị Hồng T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trương Thị Hồng T kết hôn với anh Hà Mạnh S trên cơ sở có tìm hiểu tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13/4/2007 tại UBND phường H, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 54. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại số 3 ngõ 192 phố H, phường H, quận T, Hà Nội, sau đó do mâu thuẫn chị T chuyển về sống tại Số 19 ngõ 61 phố V, phường V, quận H, Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm, anh S thường lơ đãng cờ bạc và có quan hệ bất chính bên ngoài, anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Hiện tại anh S không sống với chị T nữa và chuyển đi nơi khác sinh sống từ lâu, chị T không liên lạc được với anh S, chị có liên lạc qua gia đình anh S thì mọi người từ chối cung cấp địa chỉ của anh S. Nay nhận thấy tình cảm dành cho nhau không, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 Hà Nội) giải quyết cho chị ly hôn với anh Hà Mạnh S.

- *Về con chung*: Vợ chồng anh chị không có con chung.

- *Về con riêng*: Trong thời kỳ ly thân với anh S, chị T có quan hệ tình cảm và có con với anh Đỗ Văn T1, sinh năm 1983; HKTT: Thôn 2, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng. Ngày 07/4/2023 chị T có sinh một bé gái tại bệnh viện đa khoa H và đặt tên là Đỗ Ngọc Khánh A theo giấy chứng sinh số BA 11080/23 quyển số 2023/GCS.

Ngày 19/9/2023 anh Đỗ Văn T1 có làm giám định huyết thống tại Công ty TNHH đầu tư và công nghệ G, tại bản kết quả phân tích AND số 231667IG/DNA kết luận anh Đỗ Văn T1 có quan hệ huyết thống bố con với cháu Đỗ Ngọc Khánh A.

Ngày 18/6/2025 chị T đã làm giám định huyết thống tại Công ty TNHH đầu tư và công nghệ G, tại bản kết quả phân tích AND số 231667.2IG/DNA kết luận chị có quan hệ huyết thống mẹ con với cháu Đỗ Ngọc Khánh A.

Nay chị T xin ly hôn anh S và đề nghị Tòa án xác định anh S không phải là cha đẻ của cháu Đỗ Ngọc Khánh A. Đề nghị Tòa án xác định cháu Đỗ Ngọc Khánh A là con ruột của anh Đỗ Văn T

- *Về tài sản chung*: Chị T và anh S không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị T và anh S không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

****Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Văn T1 trình bày:***

Năm 2022, anh có quen chị Trương Thị Hồng T, anh chị có quan hệ tình cảm với nhau. Ngày 07/4/2023 chị T có sinh con là cháu Đỗ Ngọc Khánh A tại bệnh viện

đa khoa H theo giấy chứng sinh số BA11080/23 quyền số 23/GCS. Thời điểm chị T có bầu và sinh con, chị T chưa ly hôn với anh Hà Mạnh S nhưng anh chị đã sống ly thân từ lâu.

Ngày 19/9/2023 anh T1 có làm giám định huyết thống tại Công ty TNHH đầu tư và công nghệ G, tại bản kết quả phân tích AND số 231667IG/DNA kết luận anh có quan hệ huyết thống bố con với cháu Đỗ Ngọc Khánh A.

Nay chị T xin ly hôn với anh S, anh đề nghị Tòa án xác định anh S không phải là cha đẻ của cháu Đỗ Ngọc Khánh A, xác định cháu Đỗ Ngọc Khánh A là con đẻ của anh.

**** Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn anh Hà Mạnh S không đến Tòa án theo các giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra, việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo yêu cầu giao nộp văn bản ý kiến trình bày quan điểm và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ.***

Tại phiên tòa:

Chị Trương Thị Hồng T giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Mạnh S vì tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân hơn 10 năm nay và không còn liên lạc kết nối với nhau nên không thể hàn gắn đoàn tụ.

Về con chung: Đề nghị Tòa án xác định cháu Đỗ Ngọc Khánh A không phải là con của anh S. Đề nghị Tòa án xác định cháu Đỗ Ngọc Khánh A là con đẻ của anh Đỗ Văn T1.

Về tài sản chung, nhà ở và vay nợ chung: Chị T trình bày anh chị không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành hòa giải, thu thập chứng cứ và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: từ khi thụ lý vụ án đến khi phiên tòa sơ thẩm, các nguyên đơn đã thực hiện các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

* Ý kiến của đại diện viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng

xét xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trương Thị Hồng T đối với anh Hà Mạnh S. Xử cho chị T được ly hôn với anh S.

Về con chung: Xác định chị T và anh S không có con chung. Cháu Đỗ Ngọc Khánh A sinh ngày 07/4/2023 tại bệnh viện đa khoa H theo giấy chứng sinh số BA 11080/23 quyển số 23/GCS là con đẻ của chị Trương Thị Hồng T và anh Đỗ Văn T1. Về tài sản chung, nhà đất ở chung và vay nợ chung: chị TSown trình bày vợ chồng anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 4 của Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bị đơn anh Hà Mạnh S, sinh năm 1966; có đăng ký HKTT: Số 3 ngõ 192 phố H, phường H, quận T, Hà Nội. Nay là Số 3 ngõ 192 phố H, phường K, thành phố Hà Nội. Do vậy, Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình về “tranh chấp ly hôn, xác định cha con” là đúng thẩm quyền.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Toà án đã tổng đạt hợp lệ, niêm yết giấy triệu tập đến phiên tòa lần thứ 2 cho bị đơn – anh Hà Mạnh S nhưng tại phiên tòa hôm nay anh S vắng mặt; Xác minh tại Công an phường H và UBND phường H cung cấp: anh Hà Mạnh S, sinh năm 1966; có đăng ký HKTT: Số 3 ngõ 192 phố H, phường H, quận T, Hà Nội nhưng hiện anh S không ăn ở sinh sống tại địa chỉ trên. Anh S đang ở đâu thì địa phương không nắm được vì anh S không khai báo với chính quyền địa phương. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 5, 6 Nghị quyết 04/2017/NQ – HĐTP ngày 5/5/2017 hướng dẫn quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Hội đồng xét xử xác định đây thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Thực tế, nơi cư trú cuối cùng của anh Hà Mạnh S tại Số 3 ngõ 192 phố H, phường K, thành phố Hà Nội, đã được Tòa án thực hiện tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, tại nơi cư trú cuối cùng, tại UBND phường H (nay là phường K) và tại Tòa án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Đỗ Văn T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ

Luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3]. Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Xét quan hệ hôn nhân, giữa chị Trương Thị Hồng T với anh Hà Mạnh S tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 13 tháng 04 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (Theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 54), đây là hôn nhân hợp pháp.

Chị T xin ly hôn anh S vì cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh S thường lơ đãng và có quan hệ bất chính bên ngoài, cách sống không còn phù hợp, không có sự chia sẻ tình cảm dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, căn cứ các chứng cứ gồm quá trình xác minh của Tòa án tại nơi cư trú, lời trình bày của nguyên đơn, cho thấy: Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo như chị T trình bày là do bất đồng quan điểm, anh S thường lơ đãng và có quan hệ bất chính bên ngoài, anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Hiện tại anh S không sống với chị T nữa và chuyển đi nơi khác sinh sống từ lâu. Quá trình giải quyết tại Tòa án, anh Hà Mạnh S không đến Tòa án hòa giải, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án; không thể hiện nguyện vọng hòa giải cũng như không có biện pháp để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Anh chị không còn liên lạc với nhau, quá trình giải quyết tại Tòa án anh S vắng mặt không có lý do, chứng tỏ anh S không mong muốn vợ chồng hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử nhận thấy, cuộc sống chung của vợ chồng chị T và anh S không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, đời sống chung không thể kéo dài vì vậy căn cứ Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trương Thị Hồng T đối với anh Hà Mạnh S. Chị Trương Thị Hồng T được ly hôn với anh Hà Mạnh S.

[4] Về con chung: Chị Trương Thị Hồng T và anh Hà Mạnh S không có con chung.

[5] Về con riêng: Chị Trương Thị Hồng T trình bày trong thời gian chị T chưa ly hôn với anh S, chị T có quan hệ tình cảm với anh Đỗ Văn T1. Đến ngày 07/4/2023 chị có sinh một bé gái tại bệnh viện đa khoa H và đặt tên là Đỗ Ngọc Khánh A theo giấy chứng sinh số BA 11080/23 quyển số 2023/GCS.

*Ngày 23 tháng 6 năm 2025 Tòa án có công văn số 309 gửi Công ty TNHH đầu tư và công nghệ G yêu cầu xác nhận thông tin về kết luận giám định huyết thống cha mẹ con giữa chị Trương Thị Hồng T, anh Đỗ Văn T1 và cháu Đỗ Ngọc Khánh A.

*Tại công văn số 1007/CV.GP ngày 10/7/2025 của Công ty TNHH đầu tư và công nghệ G cung cấp: Ngày 18 tháng 9 năm 2023 Công ty TNHH Đầu tư và Công nghệ G có nhận được đơn yêu cầu làm thủ tục phân tích ADN của bà Trương Thị Hồng T muốn xác nhận huyết thống cha - con giữa ông Đỗ Văn T1 (Giới tính: Nam; Ngày sinh: 10/10/1983; CCCD số: 031083000809; Quốc tịch: Việt Nam) với Đỗ Ngọc Khánh A (Giới tính: Nữ; Ngày sinh: 07/4/2023; Giấy chứng sinh số Seri: 1687, quyền số: 2023/GCS; Ngày cấp: 07/4/2023; Nơi cấp: Bệnh viện Đa khoa H, thành phố Hà Nội). Đại diện của Công ty TNHH Đầu tư và Công nghệ G đã tiến hành lấy mẫu trực tiếp theo trình tự, thủ tục pháp lý (Có đầy đủ hồ sơ kèm theo). > Kết quả phân tích ADN ngày 19/9/2023 kết luận Đỗ Văn T có quan hệ huyết thống bố - con với người có tên dự kiến Đỗ Ngọc Khánh A, độ tin cậy >99,9999%.

- Ngày 18 tháng 6 năm 2025 Công ty TNHH Đầu tư và Công nghệ G có nhận được đơn yêu cầu làm thủ tục phân tích ADN của bà Trương Thị Hồng T muốn xác nhận huyết thống mẹ - con giữa bà Trương Thị Hồng T (Giới tính: Nữ; Ngày sinh: 22/12/1983; CCCD số: 019183002952; Quốc tịch: Việt Nam) với Đỗ Ngọc Khánh A (Giới tính: Nữ; Ngày sinh: 07/4/2023; Giấy chứng sinh số Seri: 1687, quyền số: 2023/GCS; Ngày cấp: 07/4/2023; Nơi cấp: Bệnh viện Đa khoa H, thành phố Hà Nội). Đại diện của Công ty TNHH Đầu tư và Công nghệ G đã tiến hành lấy mẫu trực tiếp theo trình tự, thủ tục pháp lý. Kết quả phân tích ADN ngày 18/6/2025 kết luận Trương Thị Hồng T có quan hệ huyết thống mẹ - con với người có tên dự kiến Đỗ Ngọc Khánh A, độ tin cậy >99,9999%.

Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, kết quả xác minh tại Công ty TNHH đầu tư và công nghệ G, xác định cháu Đỗ Ngọc Khánh A là con đẻ của chị Trương Thị Hồng T và anh Đỗ Văn T1. Do vậy cháu Đỗ Ngọc Khánh A không phải là con đẻ của anh Hà Mạnh S. Cháu Đỗ Ngọc Khánh A sinh ngày 07/4/2023 theo giấy chứng sinh số BA 11080/23 quyền số 2023/GC là con đẻ của anh Đỗ Văn T1; sinh năm 1983.

[6] Về tài sản chung và nhà đất ở chung:

Chị T trình bày vợ chồng anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vay nợ chung:

Chị T trình bày anh chị không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí:

Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo:

Chị Trương Thị Hồng T, anh Hà Mạnh S, anh Đỗ Văn T1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 đối với việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, khoản 4 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 51, 56, 57, 88, 89, 91, 101 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTƯQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn, xác định cha con của chị Trương Thị Hồng T đối với anh Hà Mạnh S.

Chị Trương Thị Hồng T được ly hôn với anh Hà Mạnh S.

2. Về con chung: Chị T và anh S không có con chung

3. Về con riêng: Anh Hà Mạnh S không phải là cha đẻ của cháu Đỗ Ngọc Khánh A.

Cháu Đỗ Ngọc Khánh A sinh ngày 07/4/2023 theo giấy chứng sinh số BA 11080/23 quyển số 2023/GC của bệnh viện đa khoa H là con đẻ của anh Đỗ Văn T1; sinh năm 1983 và chị Trương Thị Hồng T, sinh năm 1983.

4. Về tài sản chung và nhà đất ở chung:

Chị T trình bày anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về vay nợ chung:

Chị T trình bày anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí:

Chị Trương Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0037409 ngày 17 tháng 06 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân (Nay là Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội)

6. Về quyền kháng cáo:

Chị Trương Thị Hồng T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Hà Mạnh S, anh Đỗ Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 2 – Hà Nội;
- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;
- TAND TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thanh Phương

